



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vật tư - Xăng dầu

Ngày 30/09/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.3%	8.6%	13.3%

DT thuần Q3/25
926
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 61.0 7.1%
YoY: ▼ 55.0 -5.6%

LN thuần Q3/25
7.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.32 89.0%
YoY: ▼ 1.36 -16.2%

LN sau thuế Q3/25
5.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.56 74.7%
YoY: ▼ 0.74 -11.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
0.8%
YoY: +/- ▲ 0.3%

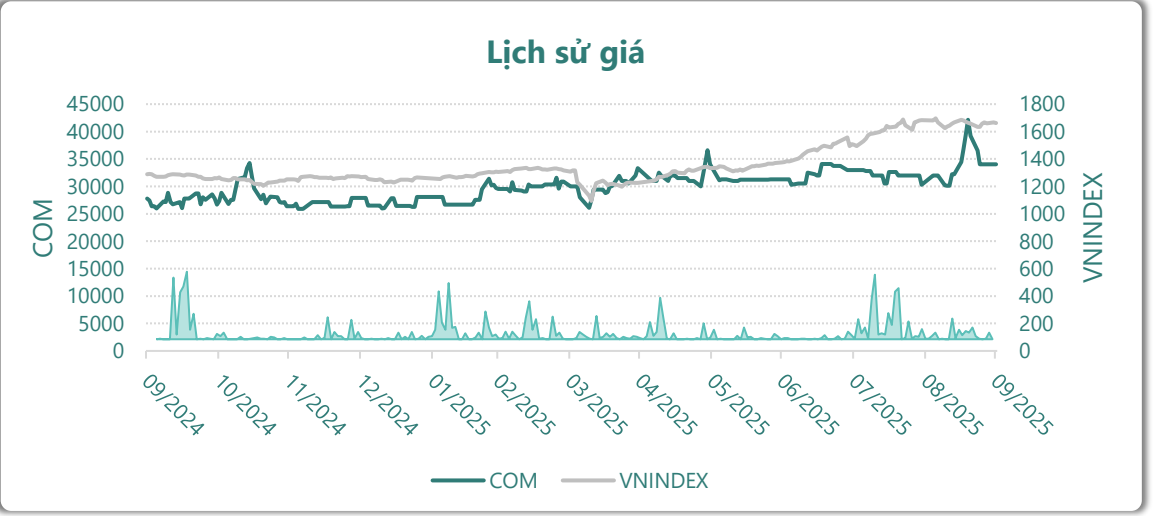
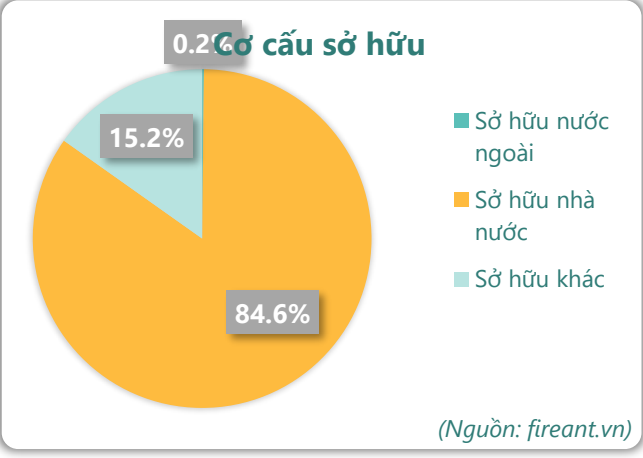
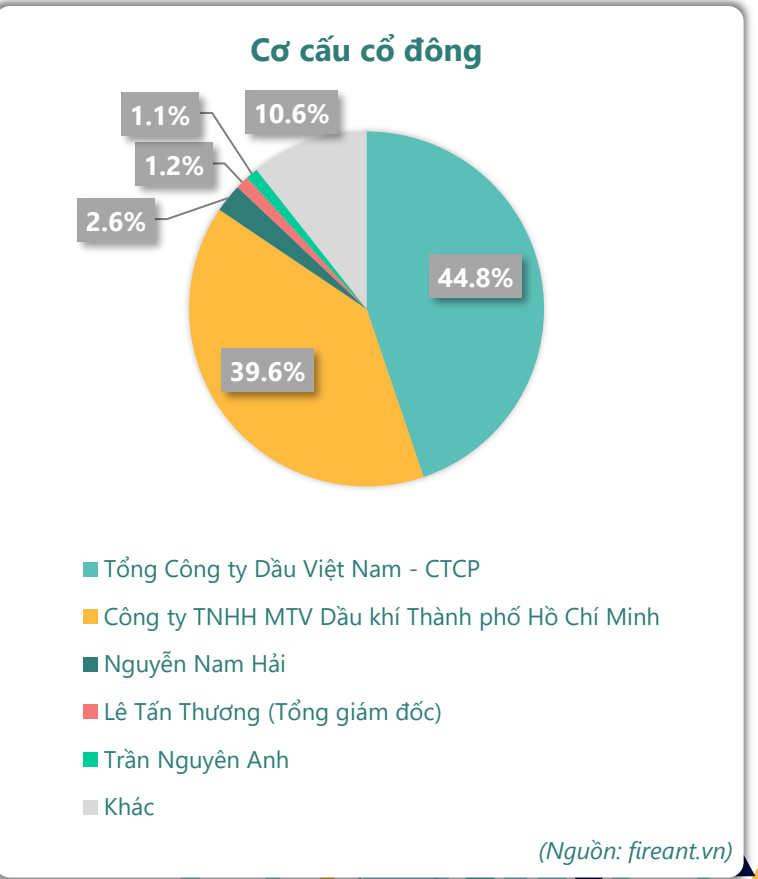
ROE (TTM) Q3/25
5.6%
YoY: +/- ▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,905 - 42,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	480
Số lượng CPLH (CP)	14,120,628
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,360
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.37
EPS	1,666
P/E	20.4

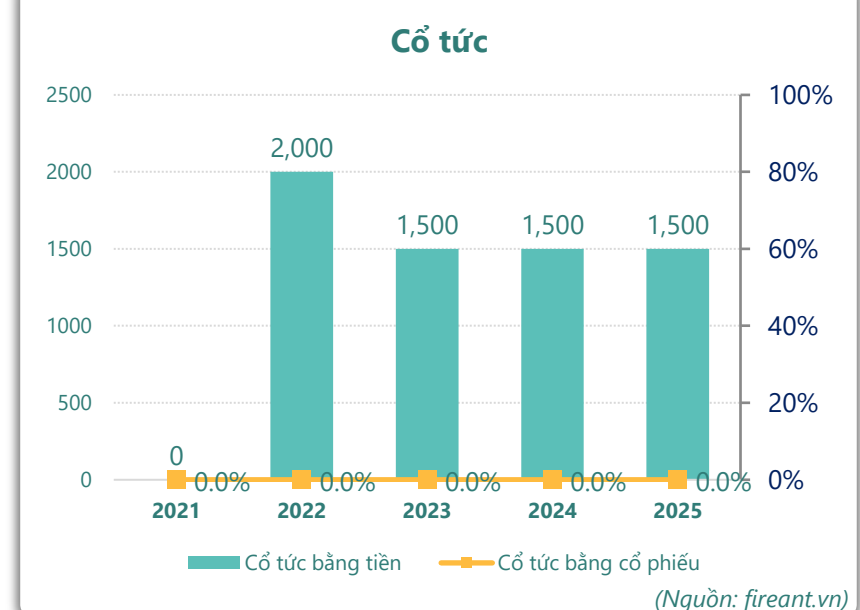
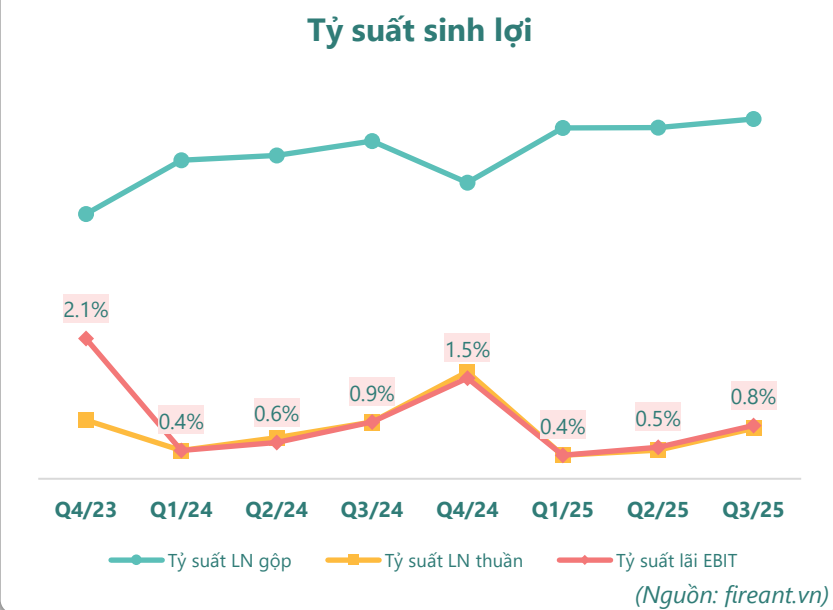
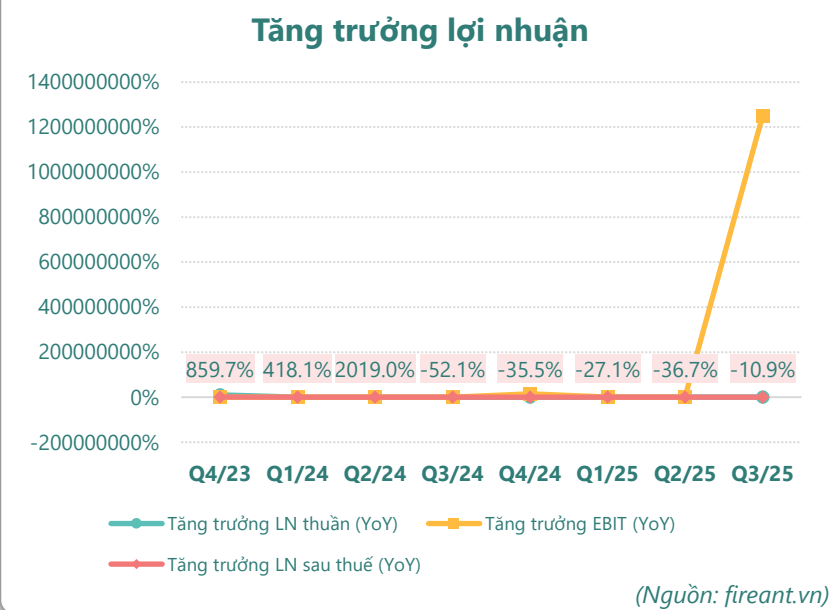
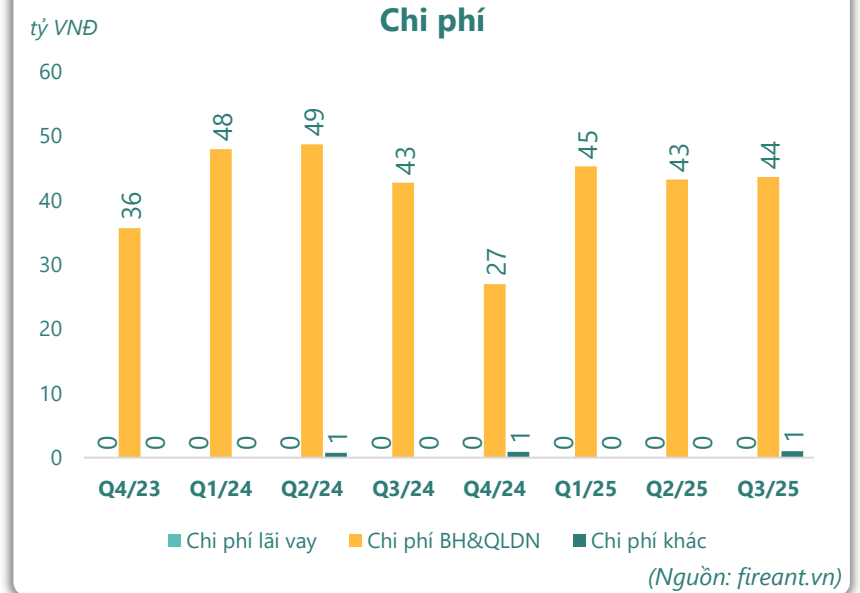
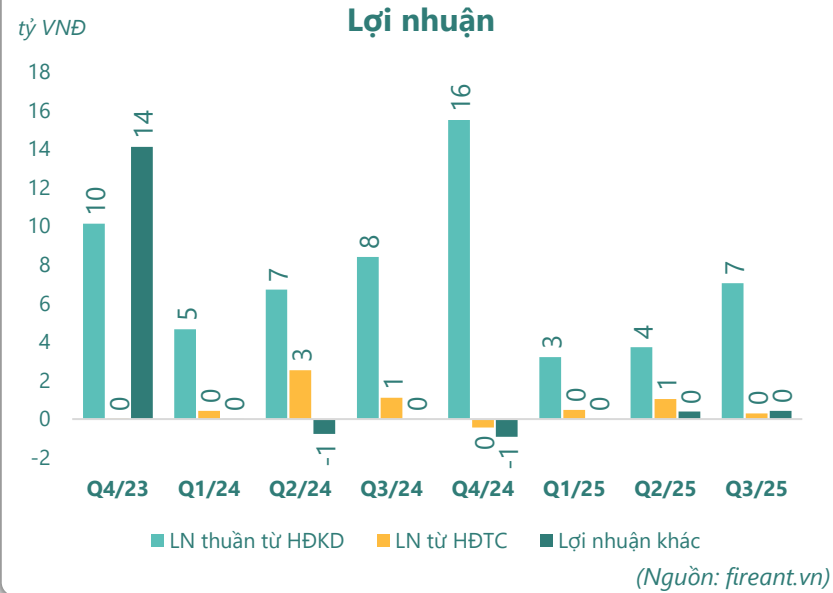
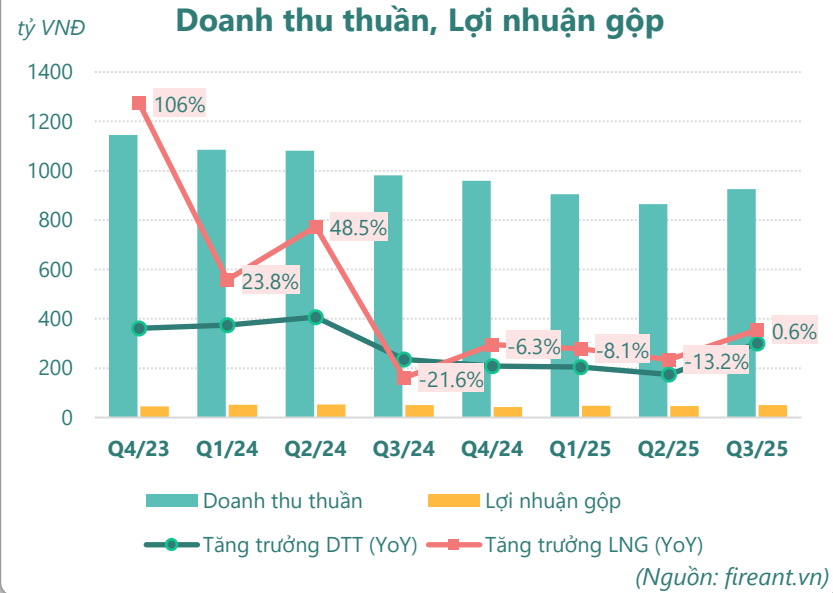
DT thuần 9T 2025
2,696
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 451 -14.3%

LN thuần 9T 2025
14.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 5.80 -29.3%

LN sau thuế 9T 2025
12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.30 -21.5%



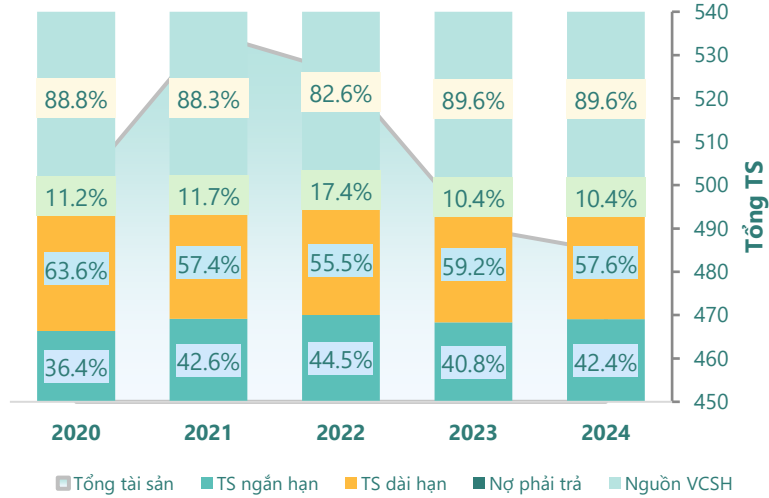
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

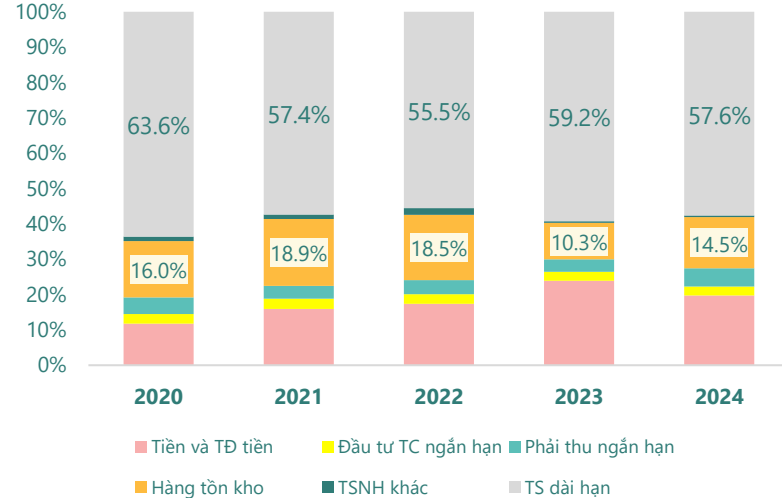
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

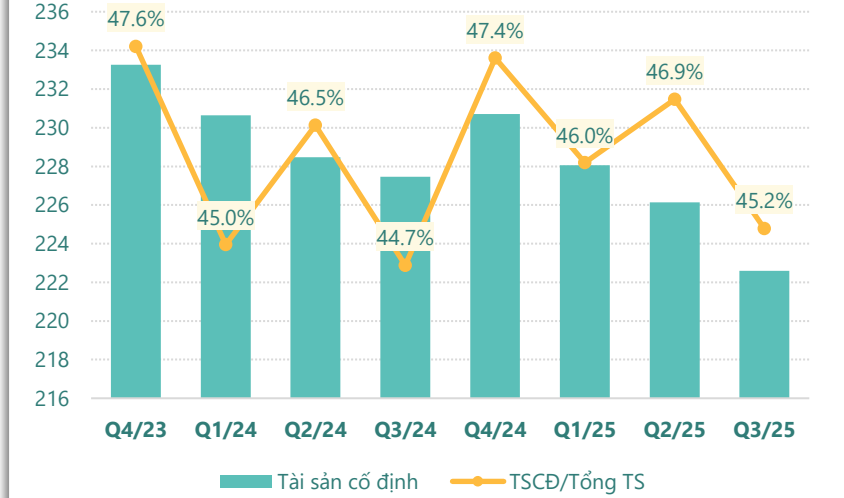
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

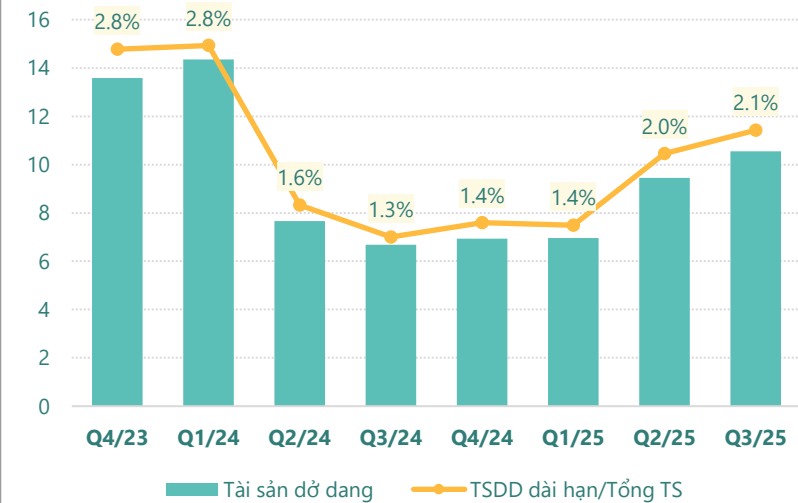
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

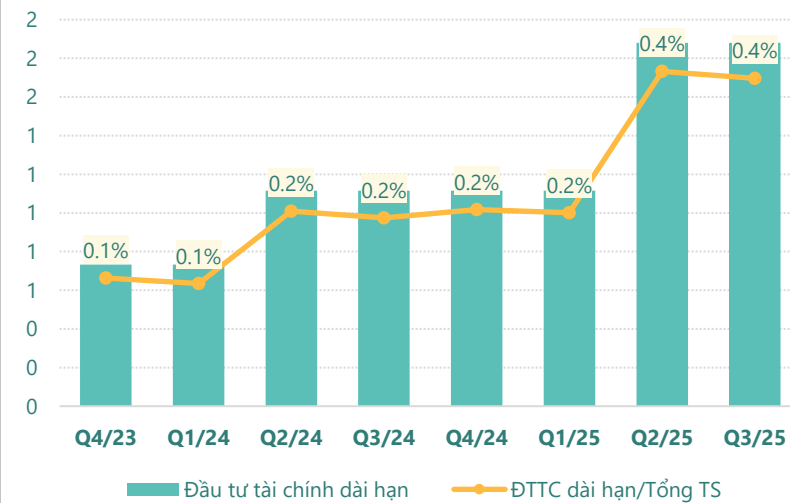
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

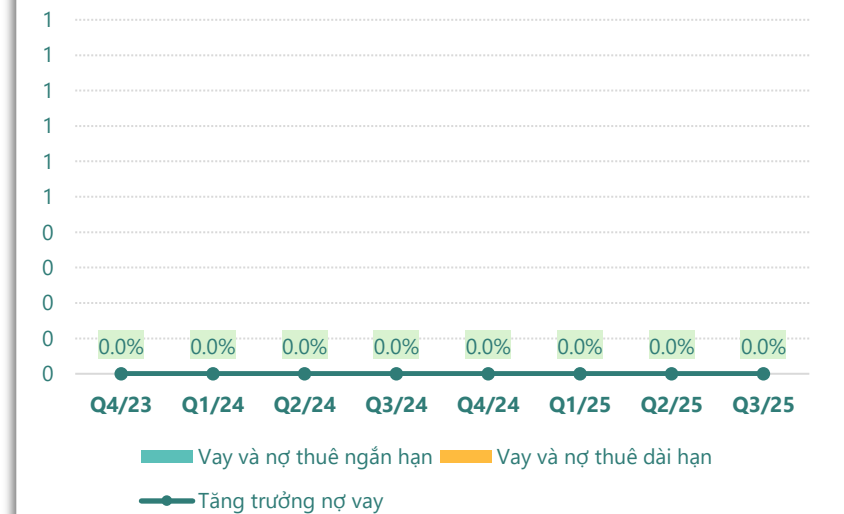
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

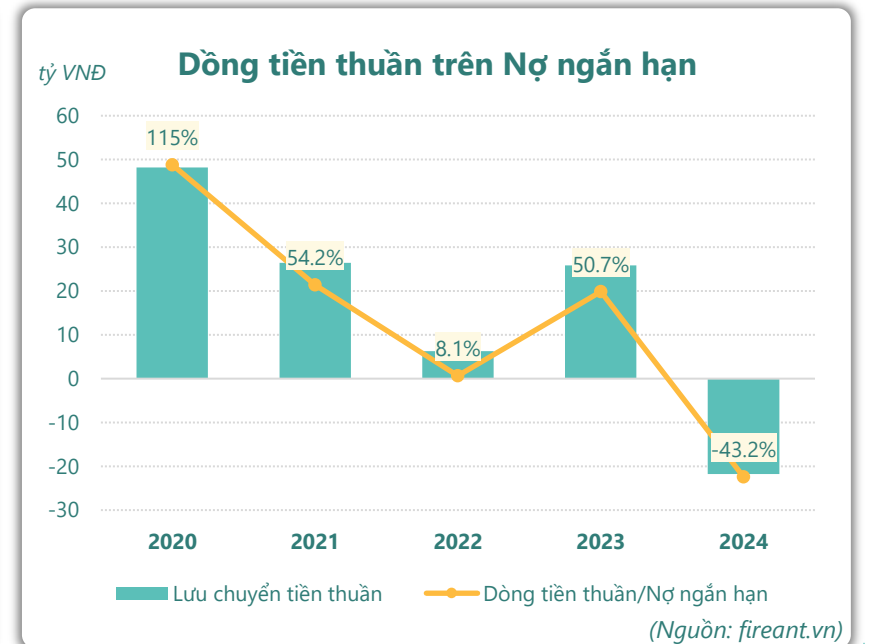
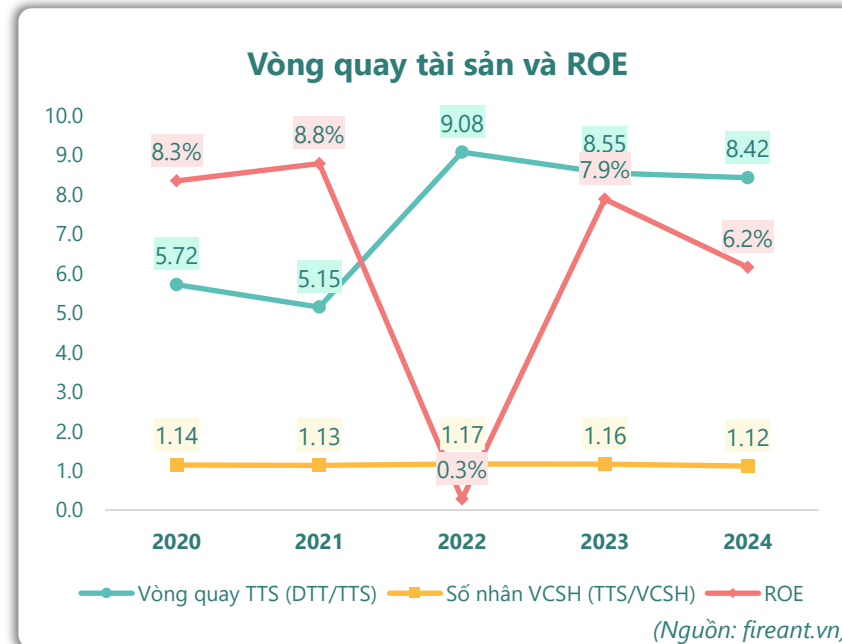
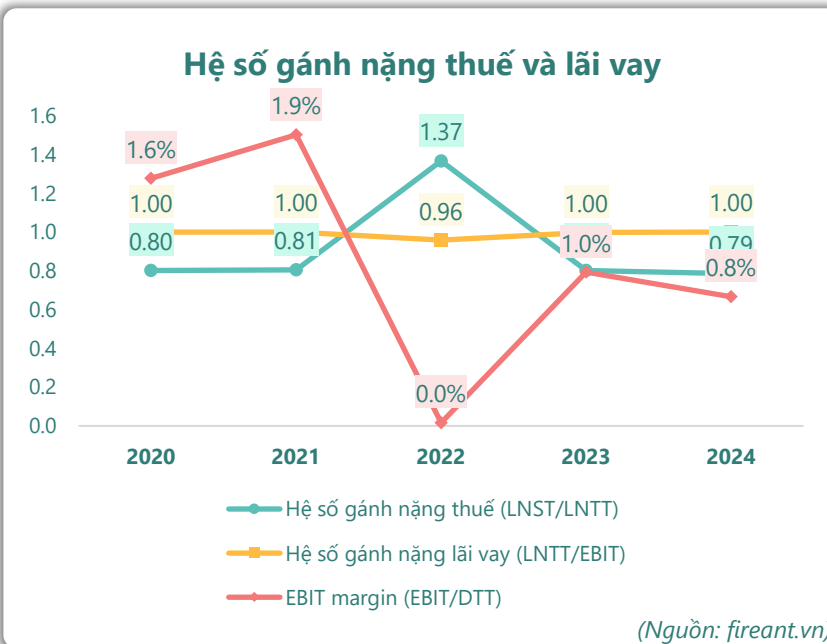
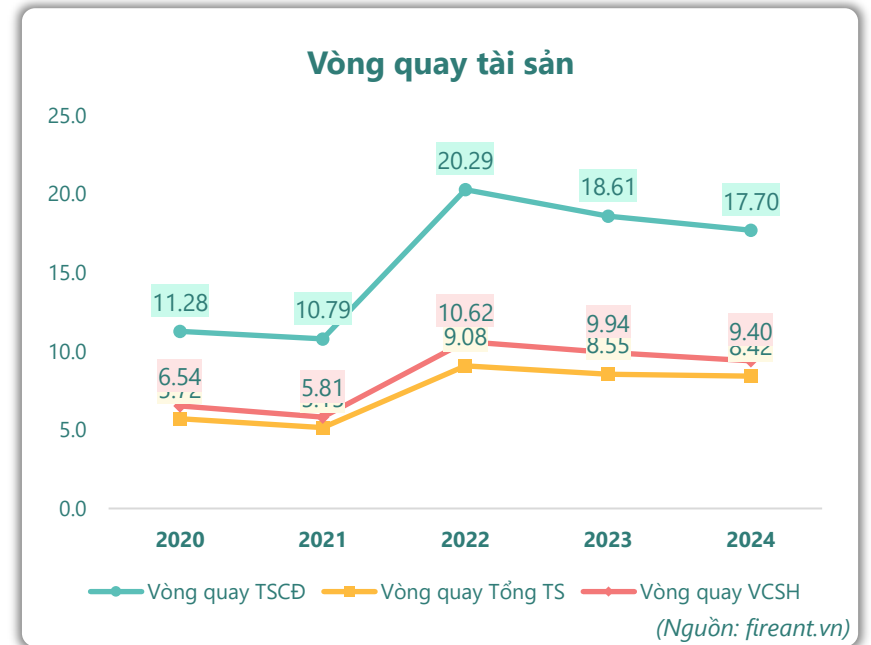
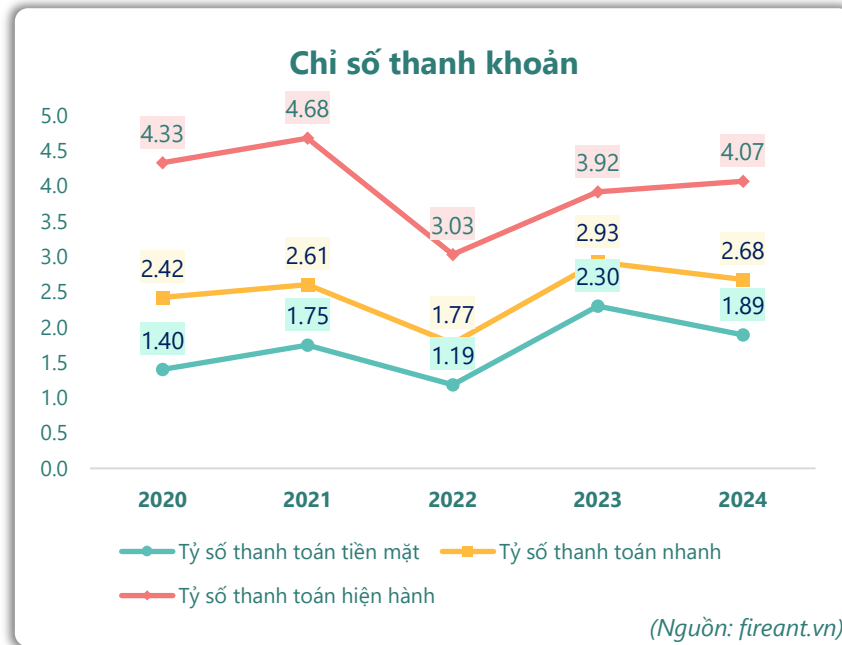
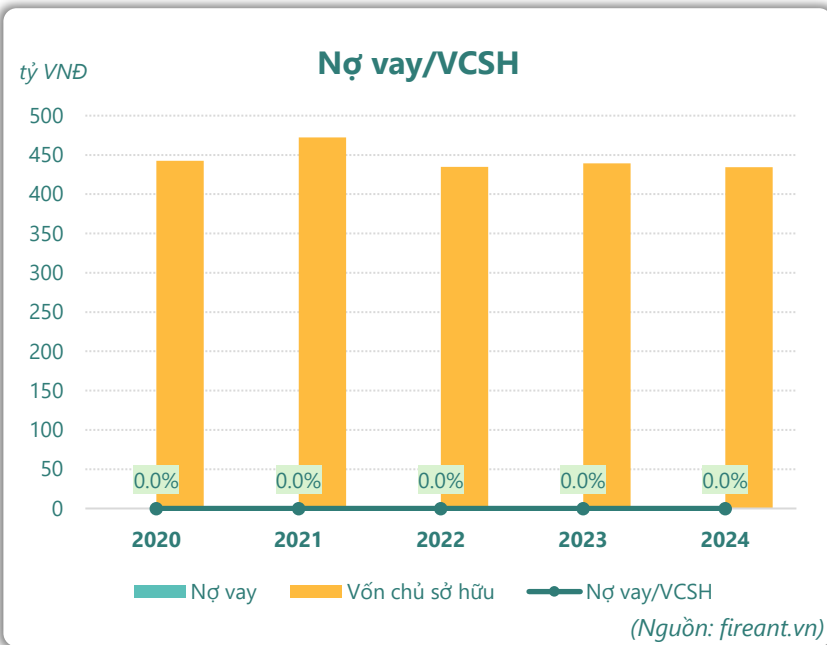
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	926	981	-5.6%	2,696	3,147	-14.3%
Giá vốn hàng bán	876	931	-5.9%	2,552	2,992	-14.7%
Lợi nhuận gộp	50.4	50.1	0.6%	144	155	-7.0%
Doanh thu HĐTC	0.30	1.11	-73.2%	1.62	2.62	-38.1%
Chi phí TC	0.00	0.00		-0.19	-1.44	87.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	40.2	38.2	5.4%	119	124	-3.7%
Chi phí QLDN	3.41	4.62	-26.2%	13.2	16.0	-17.8%
LN thuần từ HĐKD	7.05	8.41	-16.2%	14.0	19.8	-29.3%
Lợi nhuận khác	0.43	0.00		0.82	-0.76	208%
LN trước thuế	7.48	8.41	-11.1%	14.8	19.0	-22.1%
Lợi nhuận sau thuế	5.99	6.73	-11.0%	12.0	15.3	-21.5%
LNST của CĐ cty mẹ	5.99	6.73	-11.0%	12.0	15.3	-21.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-19.5	72.2	-41.9	24.0	15.9	6.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.41	-5.71	0.48	0.58	-2.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.0	-0.16	0	0	-21.0	0.00
Tiền đầu kỳ	111	70.8	143	95.6	120	116
Lưu chuyển tiền thuần	-40.5	72.4	-47.6	24.5	-4.51	4.01
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	70.8	143	95.6	120	116	120

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	492	485	1.6%
Tài sản ngắn hạn	219	205	6.4%
Tiền và tương đương tiền	120	95.6	25.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.9	12.5	-4.6%
Phải thu ngắn hạn	32.9	24.9	32.4%
Hàng tồn kho	54.4	70.3	-22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	2.26	-100%
Tài sản dài hạn	274	279	-2.0%
Phải thu dài hạn	2.02	1.90	6.3%
Tài sản cố định	223	231	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.6	6.93	52.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.88	1.11	68.7%
Tài sản dài hạn khác	36.7	38.6	-4.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	80.3	50.5	59.0%
Nợ ngắn hạn	80.3	50.5	59.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.26	3.05	-25.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	412	434	-5.1%
Vốn chủ sở hữu	412	434	-5.1%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

